TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2026/DS-ST Ngày 07 tháng 01 năm 2026 V/v tranh chấp: "Hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Trần Quang Đông
2. Ông Trần Văn Mỹ Phúc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Không có.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2025/TLST-DS, ngày 13 tháng 10 năm 2025, về tranh chấp dân sự *"Hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 301/2025/QĐST-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Công ty cổ phần S; trụ sở số 128, N, phường T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật:

+ KANOWATPAISAL NAPAT – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần S Có Ngay.

+ TEERAVIKAVEE KACHAPHAS – Chức vụ: Giám đốc Công ty cổ phần S tiền có ngay.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Minh V – Chức vụ: Nhân viên; địa chỉ liên hệ số E, P, phường P, tỉnh Vĩnh Long. (văn bản ủy quyền số 395/2024/UQ-SVN, ngày 25/12/2024). (đề nghị xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn:** Nguyễn Quan T, sinh ngày 15/6/1999; căn cước công dân số 086099007216; địa chỉ số E, tổ E, ấp A, xã L, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/8/2025 của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/9/2024, ông Nguyễn Quan T có ký kết với Công ty cổ phần S (gọi tắt là Công ty) Hợp đồng cầm cố số: VLM240901019NA19X, cụ thể: Tài sản cầm cố gồm 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu SUZUKI, loại Satria F150, biển số 64AC-198-58; số tiền cầm cố 10.797.872đ, thời hạn cầm cố 12 tháng, mục đích cầm cố phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, lãi suất trong hạn 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phí quản lý hồ sơ 1,9%/tháng; thời hạn thanh toán định kỳ hàng tháng với số tiền 996.125đ vào ngày 26 hàng tháng, bắt đầu tháng 10/2024 đến tháng 9/2025. Thông qua hợp đồng cấm cố trên, cùng ngày 26/9/2024, hai bên còn ký Phụ lục hợp đồng, đồng thời, Công ty đã giải ngân cho ông T số tiền 10.797.872đ.

Ngoài ra, do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc nên cùng ngày ông T và Công ty cổ phần S Có Ngay ký kết Thỏa thuận thuê tài sản, theo đó ông T thuê lại xe biển số 64AC-198-58 đã cầm cố nêu trên; thời hạn thuê là 12 tháng kể từ ngày 26/9/2024 đến 26/9/2025; giá thuê 583.085đ/tháng; thời hạn thanh toán vào ngày 26 hàng tháng.

Quá trình thực hiện các hợp đồng trên, ông T đã thanh toán được tổng số tiền gốc, lãi và phí bằng 2.534.000đ, nhưng sau đó không thực hiện đúng nghĩa vụ như đã cam kết. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho ông T có thời gian để trả nợ nhưng ông vẫn không thực hiện. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T trả tổng số tiền 11.184.000đ (trong đó tiền gốc 9.136.000đ, lãi 2.048.000đ (lãi trong hạn 1.365.000đ, lãi quá hạn 683.000đ)). Riêng đối với tranh chấp về hợp đồng thuê tài sản; phí hao mòn xe 4.188.000đ và phí quản lý hồ sơ 388.000đ thì Công ty xin rút lại yêu cầu này. Ngoài ra, Công ty không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn Nguyễn Quan T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng ông không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả tiền gốc, lãi theo hợp đồng cầm cố và trả phí hao mòn tài sản thuê mà hai bên đã ký kết, bị đơn có địa chỉ tại phường P, tỉnh Vĩnh Long. Do đó đây là tranh chấp "*Hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản*" nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Ông Nguyễn Quan T (là bị đơn không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[3] **Về nội dung**: Căn cứ Hợp đồng cầm cố số: VLM240901019NA19X, ngày 26/9/2024 cho thấy ông Nguyễn Quan T có ký kết hợp đồng dân sự với Công ty cổ phần S Có Ngay và nhận số tiền gốc 10.797.872đ (Mười triệu bảy trăm chín mươi bảy ngàn tám trăm bảy mươi hai đồng) là có thật. Xét thấy, hai bên ký kết hợp đồng trên tinh thần tự nguyện; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên giao dịch dân sự trên có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Trong quá trình thực hiện Hợp đồng cầm cố, ông T đã thanh toán được tiền gốc, tiền lãi và tiền phí bằng 2.534.000đ, sau đó thì không thanh toán nữa. Tính đến ngày 07/01/2026, ông T còn nợ nguyên đơn số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng bằng 11.184.000đ (tiền gốc 9.136.000đ và tiền lãi 2.048.000đ). Xét thấy, việc ông T không trả tiền gốc, lãi đúng như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 311 của Bộ luật Dân sự năm 2015; trong quá trình giải quyết mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T vẫn không có ý kiến phản đối. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật, như vậy khẳng định hiện ông T còn nợ Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền gốc, lãi bằng 11.184.000đ, cho nên, Công ty cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T hoàn trả tiền gốc, lãi là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Ngay sau khi ông T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S Có Ngay có trách nhiệm giao trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy của ông T là phù hợp quy định tại Điều 313 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Đối với tranh chấp Hợp đồng thuê tài sản xe biển số 64AC-198-58 và yêu cầu phí hao mòn xe 4.188.000đ; phí quản lý hồ sơ 388.000đ. Nguyên đơn xin rút lại yêu cầu này, xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[7] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 559.000đ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 309, 311, 313, 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về nội dung

Buộc ông Nguyễn Quan T trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay tổng số tiền làm tròn bằng 11.184.000đ (Mười một triệu một trăm tám mươi bốn ngàn đồng) (trong đó tiền gốc 9.136.000đ và tiền lãi 2.048.000đ).

Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngay sau khi ông T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S Có Ngay có trách nhiệm giao trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 64 005414, ngày 12/6/2024 cho ông T.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay về việc tranh chấp Hợp đồng thuê tài sản xe biển số 64AC-198-58 và yêu cầu phí hao mòn xe 4.188.000đ; phí quản lý hồ sơ 388.000đ. Công ty cổ phần S Có Ngay được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm

Buộc ông Nguyễn Quan T nộp 559.000đ (Năm trăm năm mươi chín ngàn đồng).

Công ty cổ phần S Có Ngay được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 377.000đ (Ba trăm bảy mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003465, ngày 29/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số

điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- VKSND KV1-VL;
- THA DS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đ/s;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Võ Tấn Thành